

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 4 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết
việc nuôi con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Sơn Lạng.

Bà Nguyễn Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkông- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Buôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Hữu D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Buôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Mỹ H trình bày:

Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30 tháng 3 năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sinh sống, làm ăn tại buôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì đến khoảng cuối năm 2002 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do anh Võ Hữu D không lo làm ăn, thường xuyên theo bạn bè ăn nhậu, chơi bài bạc. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, anh D có thay đổi và tu chí làm ăn nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh D lại bắt đầu theo sự rủ rê của bạn bè ăn nhậu, chơi bài bạc. Đến khoảng năm 2014 do không thể chịu đựng được nữa nên chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lắk giải quyết cho được ly hôn với anh D. Qua sự hòa giải của gia đình, anh D hứa sẽ thay đổi nên chị H đã rút đơn để vợ chồng cùng chung sống nuôi dạy các con. Đến năm 2015, sau khi chị H sinh cháu T3, anh D bắt đầu lại ăn nhậu, chơi bài bạc không lo làm ăn, việc chăm lo nuôi dạy các con đều do chị H gánh vác, khi đi nhậu say về nhiều lần anh D đã đánh đập chị H. Hiện nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hữu D.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh D sinh được 03 cháu là cháu Võ Đặng Hữu T1, sinh ngày 07/07/2000; cháu Võ Đặng Hữu T2, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Võ Tuyết T3, sinh ngày 30/11/2015. Nguyên vọng của chị H là được nuôi các cháu Võ Đặng Hữu T2, sinh ngày 01/11/2008, cháu Võ Tuyết T3, sinh ngày 30/11/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Võ Hữu D phải cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với cháu Võ Đặng Hữu T1, sinh ngày 07/07/2000 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị H, anh D sẽ tự thỏa thuận nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Võ Hữu D không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh D.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản buôn C, xã Y, huyện L nơi chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D cư trú thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là có thật theo như nội dung mà chị H trình bày. Về tình trạng hôn nhân ban tự quản buôn C cho biết sau vợ chồng chị H anh D chuyển về sinh sống tại địa phương khoảng năm 2000. Đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng anh D, chị H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, đến khoảng năm 2017 thì ban tự quản

thôn buôn thấy chị H thường xuyên sinh sống và làm việc tại nhà bố mẹ đẻ ngay bên cạnh nhà vợ chồng, còn anh D thì sống trong nhà của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ H với bị đơn anh Võ Hữu D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên Tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ H:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao các cháu Võ Đặng Hữu T2, sinh ngày 01/11/2008, cháu Võ Tuyết T3, sinh ngày 30/11/2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, còn đối với cháu Võ Đặng Hữu T1, sinh ngày 07/07/2000 đã trưởng thành nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: chị H không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Hữu D, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắc căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30 tháng 3 năm 1999 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Hữu D và chị Đặng Thị Mỹ H là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không lo làm ăn, thường xuyên theo bạn bè ăn nhậu, chơi bài bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã xảy ra việc đánh đập nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Mỹ H về việc ly hôn với anh Võ Hữu D.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Võ Hữu D có 03 con chung là cháu Võ Đặng Hữu T1, sinh ngày 07/07/2000, cháu Võ Đặng Hữu T2, sinh ngày 01/11/2008, cháu Võ Tuyết T3, sinh ngày 30/11/2015. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, cháu T3 và không yêu cầu anh Võ Hữu D phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Võ Đặng Hữu T1 đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, kể từ ngày vợ chồng anh D chị H xảy ra mâu thuẫn đến nay các cháu T2 và T3 đều do chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh D không quan tâm chăm sóc các cháu. Vì vậy, yêu cầu của chị H đưa ra là phù hợp nên được chấp nhận. Còn đối với cháu Võ Đặng Hữu T1, sinh ngày 07/07/2000 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Do chị Đặng Thị Mỹ H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ H được ly hôn với anh Võ Hữu D.

2. Về con chung: Giao các cháu Võ Đặng Hữu T2, sinh ngày 01/11/2008, cháu Võ Tuyết T3, sinh ngày 30/11/2015 cho chị Đặng Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Cháu Võ Đặng Hữu T1, sinh ngày 07/07/2000 đã trưởng thành nên không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Đặng Thị Mỹ H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001633 ngày 24/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm